

Số: 104/QĐ-CDYT

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Chi hỗ trợ học phí học nghề cho học sinh tốt nghiệp THPT học nghề tại cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh học kỳ I năm học 2025-2026.

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-LĐTĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;

Căn cứ vào biên bản họp ngày 20/12/2025 của Hội đồng xét miễn giảm học phí theo Thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH; Theo Nghị Quyết 10/2021/NQ-HĐND tỉnh Bắc Ninh ngày 29/9/2021 của Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Trường Cao đẳng y tế Bắc Ninh về việc thu học phí năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc điều chỉnh, thu hồi, bổ sung dự toán của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Hợp tác Quốc tế - Quản lý sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chi hỗ trợ học phí học nghề cho học sinh tốt nghiệp THPT học nghề tại cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh học kỳ I năm học 2025-2026 (theo Nghị quyết 10/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021).

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Số sinh viên được nhận hỗ trợ là: 434 em.

Tổng mức tiền hỗ trợ là: **3.369.518.000đ**

(Số tiền viết bằng chữ: Ba tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu năm trăm mười tám nghìn đồng chẵn).



Nguồn kinh phí do ngân sách tỉnh Bắc Ninh cấp;

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký;

Trưởng phòng: Tài chính - Hợp tác Quốc tế - Quản lý sinh viên và các sinh viên có tên trong danh sách được nhận hỗ trợ căn cứ quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Thị Dung**





UBND TỈNH BẮC NINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

**DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC NGHỀ CHO SINH VIÊN  
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 10/NQ-HĐND NGÀY 29/9/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH  
KỲ I NĂM HỌC 2025-2026  
NGÀNH: CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG**

STT tổng	TT theo lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú	Mức hỗ trợ học phí HSSV/tháng, tín chỉ	Số tháng, tín chỉ được hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
<b>Cộng tổng</b>								<b>3.369.518.000</b>	
<b>LỚP ĐD6A1</b>						<i>Mức hỗ trợ/1Tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
1	1	Đoàn Thị Minh Anh	Nữ	09/09/2004	Tỳ Điện- Phú Hoà, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
2	2	Vương Thị Lan Anh	Nữ	03/02/2001	Phù Cầm - Dũng Liệt, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
3	3	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	24/12/2005	Đồng Sơn xóm 1 xã Việt đoàn, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
4	4	Nguyễn Đình Hiếu	Nam	29/03/2005	Hương Mạc, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
5	5	Cao Thị Huyền	Nữ	15/09/2005	Phù Thọ, Quảng Phú, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
6	6	Nguyễn Bá Lâm	Nam	15/09/2000	97 Đường Âu Cơ, Phường Hồ, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
7	7	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	01/06/2005	Xuân Hội - Lạc Vệ, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
8	8	Vũ Phương Linh	Nữ	05/11/2005	Tiêu Long - Tương Giang - Từ Sơn - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
9	9	Nguyễn Tiến Thành	Nam	11/01/2005	Số nhà 35, xóm 3, Khu Châm Khê, Phong Khê, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
10	10	Dương Thị Thanh Thảo	Nữ	21/09/2005	Thôn Áp Ngoài - xã Trung Chính, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
11	11	Cao Thị Phương Thảo	Nữ	11/06/2005	Quảng phú, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
12	12	Cao Thị Thu Trang	Nữ	17/07/2005	Phù thọ quảng phú, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
13	13	Triệu Văn Thành	Nam	20/07/2003	Thôn ngô phần , xã bình định, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
14	14	Nguyễn Văn Nam	Nam	12/07/2005	Phù Cầm - Dũng Liệt, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
15	15	Nguyễn Đình Ngọc Phan	Nam	12/01/2005	Thôn Đông Tào, Xã Thụy Hoà, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
16	16	Nguyễn Thị Diệu Ngọc	Nữ	28/09/2005	Lạc Nhuê, Thụy Hòa, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
17	17	Đỗ Hiếu Ánh	Nữ	26/11/2005	Thôn Thái Tri- xã Lâm Thao- Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
18	18	Ngô Thị Hồng Ánh	Nữ	20/04/2004	Tiền Xá Làng- phường Hạp Lĩnh- hành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
19	19	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	02/03/2005	Tiền xá làng hạp lĩnh, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
20	20	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	20/09/2005	Đồng Tào-Thụy Hoà-Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
21	21	Đặng Ngọc Quỳnh	Nữ	11/03/2005	Số 3. Đường Lê Phụng Hiếu. Phường Kinh Bắc. TP Bắc Ninh. Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
22	22	Lê Ngọc Bích	Nữ	16/11/2005	Đường 280- Bảo Tháp- Đông Cứu, Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
23	23	Nguyễn Thị Mai Loan	Nữ	02/08/2005	Thị cầu, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
24	24	Nguyễn Thiên Trang	Nữ	14/07/2005	Số 1072, Mao Lại, Phường Mao, Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
25	25	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	23/01/2005	Thôn Yên Việt, xã Đông Cứu, Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
26	26	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	26/10/2005	Long Khám - Việt Đoàn, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
27	27	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	25/03/2004	Vĩnh Thọ, Hương Mạc, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
28	28	Phan Đình Thao	Nam	14/05/2005	nghĩa lập - Phù Khê, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
29	29	Dương Đức Nam	Nam	01/04/2004	Số nhà 3,Khu Đông- Xã Khắc Niệm - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
30	30	Đỗ Thị Thùy Linh	Nữ	24/03/2005	Thôn Chè, xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	

31	31	Hoàng Ngọc Bắc	Nữ	03/07/2005	Lạc Nhuế -Thụy Hòa-Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
32	32	Phạm Thị Cúc	Nữ	13/06/2002	Thất Gian - Châu Phong, Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
33	33	Nguyễn Thị Linh	Nữ	17/02/2004	Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
34	34	Nguyễn Ngọc Minh	Nữ	29/09/2002	Bồng Lai, Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
35	35	Phạm Thị Nam	Nữ	27/04/1988	Thái Bảo, Gia bình, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
36	36	Nguyễn Thị Dương	Nữ	22/06/2003	Thôn Rẻn, Cảnh Hưng, Tiên Du, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
		<b>Cộng</b>							<b>281.160.000</b>	
		<b>LỚP ĐD7A1</b>								
						<i>Mức hỗ trợ/1Tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>	
37	1	Lê Thu Cúc	Nữ	01/07/2006	93 Nguyễn Công Truyền, Thị trấn Gia Bình, Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
38	2	Nguyễn Đức Thắng	Nam	19/08/2006	Đông Hương Thị trấn Thứa, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
39	3	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	22/01/2006	Đông Tào - Thụy Hoà, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
40	4	Phan Hoài Thu	Nữ	16/03/1992	Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
41	5	Nguyễn Văn Duy	Nam	27/10/2006	Trang Liệt, phường Trang Hạ, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
42	6	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	21/09/2006	Hoài Thị - Liên Bảo -Tiên Du - Bắc Ninh, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
43	7	Nguyễn Thị Trung Anh	Nữ	28/08/2006	Bát Phi ,Phường Nhân Hoà , Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
44	8	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	22/06/2005	Thôn Trác Bút - Thị Trấn Chờ -Yên Phong -Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
45	9	Trịnh Ngọc Linh	Nữ	18/02/2005	Đường Trần Quang Khải -khu4- phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
46	10	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	19/12/2006	Khu viêm xá - phường Hoà Long, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
47	11	Nguyễn Bá Nam	Nam	17/08/2006	Số nhà 109, Phố Quỳnh Đôi, Phường Kim Chân, Tp Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
48	12	Nguyễn Công Phú	Nam	07/01/2004	Xã văn hà huyện Việt Yên, Huyện Việt Yên - Tỉnh Bắc Giang	1.562.000	5	7.810.000		
49	13	Nguyễn Hương Giang	Nữ	08/05/2006	võ cường bắc ninh, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
50	14	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	18/10/2006	Thôn Đại Lâm - xã Tam Đa, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
51	15	Nguyễn Thị Linh	Nữ	11/03/2006	Tri Phương, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
52	16	Vũ Thị Thảo	Nữ	02/04/1997	363 Nguyễn Trãi, Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
53	17	Vũ Thị Hạnh	Nữ	31/10/2006	Thôn địa , xã bình dương , huyện gia bình , tỉnh Bắc Ninh,	1.562.000	5	7.810.000		
54	18	Phùng Thị Phương	Nữ	18/07/2006	Mỹ Hương Lương Tài Bắc Ninh, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
55	19	Bùi Thị Ngọc Linh	Nữ	17/03/2006	Thôn cường trắng, xã an thịnh, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
56	20	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	03/07/2006	An Phú, An Thịnh, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
57	21	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	16/02/2004	Cường trắng - an thịnh, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
58	22	Phạm Thu Hiền	Nữ	10/10/2006	Thôn an mỹ, xã mỹ hương, huyện lương tài, tỉnh bắc ninh,	1.562.000	5	7.810.000		
59	23	Nguyễn Tiến Thanh	Nam	22/03/2006	Đông hương thị trấn thứa, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
60	24	Vũ Thị Tùng Lâm	Nữ	29/12/2006	số 7 Nguyễn an ninh. kinh bắc, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
61	25	Tạ Thị Thanh	Nữ	06/10/2006	Xóm 1, Long Khám, Việt Đoàn, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
62	26	Bùi Thị Xuân	Nữ	28/11/2006	Thôn Đạo Sử, Thị trấn Thứa, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
63	27	Nguyễn Thị Hương Giang	Nam	16/12/2006	Thôn Định Cương, xã Xuân Lai, Huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
64	28	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	10/11/2004	Thôn An Động xã Lạc Vệ huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
65	29	Nguyễn Thanh Tâm	Nữ	19/08/2006	Khu Thượng - phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
66	30	Tạ Thị Hậu	Nữ	13/04/2004	Thôn Đông Bích, Đông Thọ, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
67	31	Ngô Quỳnh Hoa	Nữ	04/10/2006	15, Xóm Chợ, khu 3, Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
68	32	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/05/2006	gốc đa -cáp trên -trung kênh -lương tài-bắc ninh	1.562.000	5	7.810.000		

69	33	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	01/01/2006	Thôn Nghĩa Vy-Xã Hoài Thương- Thị Xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
70	34	Ngô Thị Kim Dung	Nữ	24/06/2006	Khu phố Tam Sơn phường Tam Sơn, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
71	35	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	03/06/2006	Khu Phố Rích Gạo-Phường Phù Chấn, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
72	36	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	10/11/2006	Trác bút -Thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
73	37	Đỗ Ngọc Linh	Nữ	18/04/2006	sn 26c, khu 2, phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
74	38	Khúc Hiểu Hồng	Nữ	26/05/2006	Nhà số 7, Đường Nhánh 1, Khu Phố Hồ, Phường Hồ, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
75	39	Nguyễn Thị Hoài Phương	Nữ	08/09/2006	Thiêm Xuyên -Thuy Hoà -Yên Phong - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
76	40	Trần Thị Chinh	Nữ	05/04/2006	Thôn Đông Tào - Xã Thuy Hoà, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
77	41	Ngô Phương Thanh	Nữ	18/11/2006	Trạm Lộ, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
78	42	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	15/09/2006	Đại Lâm- Tam Đa, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
79	43	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	10/07/2004	Nội Duệ, Tiên Du, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
80	44	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	06/09/2004	Thôn Nội Viên, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
81	45	Nguyễn Thị Mai	Nữ	09/02/2006	Đông Tào, Thuy Hòa, Yên Phong, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
82	46	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	05/06/2006	Số nhà 8, khu phố Thịnh Cầu, Phố Mới -Quê Võ - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
83	47	Đoàn Nam Trung	Nam	18/04/2006	Khu 5 ngõ 22 phường Thị Cầu Thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
84	48	Hán Thị Thu Hằng	Nam	03/08/2006	Thanh Lâm, an thịnh, Lương Tài, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
85	49	Nguyễn Huy Giang	Nữ	27/12/2005	Trung Khê, Lương Tài, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
86	50	Ngô Thị Hoài	Nữ	11/08/2005	Lai Hạ, Lương Tài, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
87	51	Lê Mạnh Hưng	Nam	01/03/2006	Đông Ngán, từ Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
88	52	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	04/01/2003	Viêm Xá, Hòa Long, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
89	53	Trần Tuấn Anh	Nam	02/09/2001	Số nhà 17 Ngõ 11 Khu 1 Phường Vũ Ninh Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>413.930.000</b>
		<b>LỚP ĐD7A2</b>				<i>Mức hỗ trợ/TC</i>	<i>Số tín chi</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tín chi</i>
90	1	Phan Thị Thi	Nữ	08/01/1995	Trang Liệt, phường Trang Hạ, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
91	2	Dương Thị Vân	Nữ	04/04/1988	Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
92	3	Nguyễn Thị Hạnh Nhi	Nữ	11/12/1996	Trang Hạ, TP Từ sơn, Bắc ninh	520.000	15	7.800.000	
93	4	Nguyễn Xuân Quát	Nam	10/03/1982	Giang sơn, Gia Bình, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
94	5	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	17/10/1993	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
95	6	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	15/03/1979	Việt đoàn, Tiên du, Bắc ninh	520.000	15	7.800.000	
96	7	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	26/04/1986	Ngũ thái, Thuận thành, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
97	8	Nguyễn Thị Nga	Nữ	11/05/1985	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
98	9	Hoàng Thị Thủy Hương	Nữ	12/11/1995	Lâm thao, Lương Tài, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
99	10	Nguyễn Thị Hà	Nữ	30/07/1980	Bình Định, Lương Tài, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
100	11	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	21/11/1981	Phú Hòa, Lương Tài, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
101	12	Phạm Thị Hiền	Nữ	25/07/1989	Lai hạ, Lương Tài, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
102	13	Nguyễn Thị Thu	Nữ	15/07/1993	Châu phong, Quê Võ, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
103	14	Đỗ Thị Phượng	Nữ	01/11/1993	Lâm thao, Lương Tài, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
		<b>Cộng</b>							<b>109.200.000</b>
		<b>LỚP ĐD8A0</b>				<i>Mức hỗ trợ/1tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
104	1	Vũ Đình An	Nam	03/12/2002	Nghĩa Thắng, Đông Cứu, Gia Bình, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
105	2	Dương Phương Anh	Nữ	31/07/2007	Số nhà 11, phố Nghè, P. Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
106	3	Đỗ Huyền Anh	Nữ	02/07/2006	Ninh Xá, Kinh Bắc, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
107	4	Lê Lan Anh	Nữ	15/11/2007	xã Đại Đồng - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
108	5	Ma Ngọc Anh	Nữ	07/06/2007	P. Vũ Ninh, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
109	6	Ngô Ngọc Anh	Nữ	05/06/2007	Khúc Toại, Kinh Bắc, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
110	7	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	21/04/2007	Viêm Xá, P. Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
111	8	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	26/11/2007	Thôn Phượng Trì, Xã Lương Tài- Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	

112	9	Chu Hồng Ánh	Nữ	07/03/2007	Từ Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
113	10	Nguyễn Hồng Ánh	Nữ	07/03/2007	Đông Tào - xã Tam Đa - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
114	11	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	15/10/2007	P. Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
115	12	Kiều Thị Ngọc Bích	Nữ	19/08/2007	Thôn Yên Hậu, xã Tam Giang, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
116	13	Đặng Thị Chi	Nữ	26/01/2007	Đông Tào- Tam Đa- Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
117	14	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	13/12/2007	Đạo Sứ - Lương Tài -Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
118	15	Nguyễn Văn Dũng	Nam	20/02/2007	Thôn Phú Ninh, xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
119	16	Nguyễn Thị Ánh Dương	Nữ	25/05/2007	Thôn Yên Vỹ, xã Tam Giang, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
120	17	Nguyễn Thị Hải	Nữ	03/12/2007	khù Quế Sơn, phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
121	18	Vũ Thuý Hằng	Nữ	09/02/2007	Từ Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
122	19	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	21/02/2006	Kênh Phó, Cao Đức, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
123	20	Lê Thị Hiền	Nữ	27/06/2007	Số nhà 152, thôn Hương Vinh, xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
124	21	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Nữ	14/04/2007	Mấn Xá, Yên Phong, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
125	22	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Nữ	05/10/2007	xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
126	23	Trần Thị Huyền	Nữ	11/09/2007	Lê Độ, Quế Võ, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
127	24	Nguyễn Thị Hương	Nữ	28/07/2006	Xóm Giữa, Đại Bi, Đại Đồng, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
128	25	Chu Thị Hương Liên	Nữ	24/09/2007	Xóm 1, thôn Long Khám, xã Liên Bảo, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
129	26	Nguyễn Hà Linh	Nữ	27/03/2007	Chờ, Yên Phong, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
130	27	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	19/07/2007	Số nhà 1242 - đường Nguyễn Trãi - khu Tiên xá - phường Hạp Lĩnh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
131	28	Nguyễn Thị Thuý Linh	Nữ	06/10/2005	Thôn Nghĩa Chi, xã Phật Tích, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
132	29	Trần Thị Yến Linh	Nữ	07/11/2006	Khu Trần, P. Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
133	30	Nguyễn Thị Trà Mi	Nữ	16/12/2007	Mão Điền, phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
134	31	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	24/02/2006	Thôn An Cường, xã Trung Chính, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
135	32	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	09/12/2007	Nhà số 10 ngách 1 a yên lã 2 P. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
136	33	Dương Triệu Ngọc	Nữ	16/12/2007	Lạng Khê, Lương Tài, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
137	34	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	25/10/2007	Thiểm Xuyên, xã Tam Đa - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
138	35	Nguyễn Thị Nhã	Nữ	05/06/2007	Thiểm Xuyên, Tam Đa, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
139	36	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	03/04/2007	Mai Cương, Cách Bi, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
140	37	Nguyễn Thị Kim Nhung	Nữ	15/07/2007	Thôn Đông Tào Xã Tam Đa - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
141	38	Nguyễn Đình Hải Phong	Nam	28/12/2007	xã Lâm Thao, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
142	39	Lê Thị Thu Phương	Nữ	17/01/2007	Thuận Thành, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
143	40	Nguyễn Phương Thanh	Nữ	29/12/2005	P.Song Liễu - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
144	41	Lê Thị Thảo	Nữ	23/05/2007	Đông Nguyên, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
145	42	Trương Thị Thảo	Nữ	19/01/2006	Ô Cách, xã Yên Phong, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
146	43	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	02/10/2007	Thôn Bùi, xã Lương Tài, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
147	44	Nguyễn Thị Thanh Thư	Nữ	07/01/2007	Thôn Mỹ Lộc, xã Cao Đức, - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
148	45	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	05/06/2007	P. Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
149	46	Nguyễn Thị Mai Trang	Nữ	23/06/2007	xã Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
150	47	Nguyễn Thu Trang	Nữ	30/12/2007	P. Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
151	48	Nguyễn Hải Triều	Nam	01/01/2007	Lập Ái- Đại Lai - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
152	49	Hoàng Đức Tuyên	Nam	26/09/2005	Đông Bình - Gia Bình - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
153	50	Đặng Thị Phương Uyên	Nữ	07/09/2007	Viêm Xá, P. Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
154	51	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	30/07/2007	Thiểm Xuyên- Tam Đa - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
155	52	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	25/03/2007	Phố Hồ, P Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
156	53	Nguyễn Vũ Hải Yến	Nữ	05/11/2007	P. Đông Nguyên, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
157	54	Lục Đức Duy	Nam	11/08/2007	P. Vũ Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
158	55	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	03/08/2007	Thôn Quảng Bó, xã Lâm Thao, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>429.550.000</b>

LỚP ĐĐ8A1					Mức hỗ trợ/tháng	Số tháng	Thành tiền	Hỗ trợ theo tháng	
159	1	Lê Thị Lan Anh	Nữ	11/02/2007	Đông Sài, Phù Lãng, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
160	2	Mai Lan Anh	Nữ	20/05/2007	Phường đảo viên, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
161	3	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	19/09/2007	Xuân Ổ B, P. Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
162	4	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	21/08/2007	Châu Cầu - Phù Lãng - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
163	5	Vũ Văn Anh	Nữ	09/08/2006	Số nhà 96, Thanh Nhân, P. Đồng Nguyên, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
164	6	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	30/04/2007	SN14, Yên Lã, P. Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
165	7	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	30/10/2007	Ngõ 30 ngách 20 khu phố Bà La, P. Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
166	8	Nguyễn Thu Ánh	Nữ	22/08/2007	làng Phùng Dị P. Đào Viên - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
167	9	Trương Thị Ngọc Ánh	Nữ	17/08/2007	Tam Đa, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
168	10	Nguyễn Phúc Hoàng Châu	Nữ	30/04/2007	1035 đường 286, khu Khúc Toại, P. Kinh Bắc - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
169	11	Phạm Thị Quỳnh Chi	Nữ	01/12/2007	Lĩnh Mai, Lâm Thao, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
170	12	Vũ Thị Kiều Chinh	Nữ	11/01/2004	Ngọc Tri - Lâm Thao - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
171	13	Trần Thị Thùy Dung	Nữ	20/04/2007	Xóm Phúc Hậu, thôn Lũng Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
172	14	Nguyễn Ngọc Dương	Nam	17/08/2004	TDP Lạc Thổ Nam, p. Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
173	15	Nguyễn Thị Thủy Dương	Nữ	04/11/2007	Ngô Xá, xã Phật Tích, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
174	16	Nguyễn Thị Thủy Dương	Nữ	07/11/2007	Ngọc Nội, Trạm Lộ, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
175	17	Thân Thị Bích Hà	Nữ	20/07/2006	P. Đào Viên, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
176	18	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	08/10/2005	Vân Trung, Tân Chi, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
177	19	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	30/04/2005	G25 Khu phố mới, phường Đồng Nguyên - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
178	20	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	04/07/2007	Thọ Đức, Tam Đa, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
179	21	Nguyễn Thị Mai Hoa	Nữ	18/10/2007	Khu phố Đông Khê, p. Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
180	22	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	06/10/2007	Bằng Lục - Tam Đa - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
181	23	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	09/12/2007	Khu Triều Thôn, P. Nam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
182	24	Nguyễn Ngọc Hùng	Nam	10/11/2007	xã Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
183	25	Ngô Thị Thanh Hương	Nữ	02/11/1995	P. Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
184	26	Nguyễn Thị Thúy Hương	Nữ	06/06/2007	Bào Ngọc - Nhân Thắng - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
185	27	Phạm Thị Thúy Kiều	Nữ	03/08/2006	Số nhà 97-Khu đưng xá 2- Phường Kinh Bắc-Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
186	28	Hồ Thị Thanh Lam	Nữ	08/06/2007	Thôn thủy - xã chi lăng - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
187	29	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	13/09/2007	Thôn Hộ Vệ, xã Tân Chi, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
188	30	Nguyễn Phương Linh	Nữ	04/03/2007	Vũ Ninh, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
189	31	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	23/12/2007	Thôn Đồng Văn, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
190	32	Trần Thị Khánh Linh	Nữ	27/02/2007	khu Hữu Chấp - phường Kinh Bắc - tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
191	33	Nguyễn Thị Xuân Loan	Nữ	09/11/2007	TDP Tú Tháp, P. Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
192	34	Nguyễn Thị Vân Ly	Nữ	24/06/2007	Thôn Nghĩa Chi- xã Phật Tích-tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
193	35	Ngô Thị Thùy Mai	Nữ	23/04/2007	31 khu công binh, vũ ninh bắc ninh	1.562.000	5	7.810.000	
194	36	Nguyễn Hà My	Nữ	15/10/2007	Số 115, khu phố Đại Đình, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
195	37	Lê Thúy Nga	Nữ	16/06/2007	P Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
196	38	Nguyễn Thị Ngọc Ngan	Nữ	05/11/2007	Đông Xuất- xã Văn Môn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
197	39	Ngô Thị Diễm Quỳnh	Nữ	28/02/2007	Thọ Đức, Tam Đa, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
198	40	Nguyễn Thị Bích Ngân	Nữ	18/05/2007	Đông Phù, Tiên Du, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
199	41	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	27/10/2007	Nghĩa Chi, xã Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
200	42	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	25/06/2007	thôn Đông Du, P. Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
201	43	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	16/03/2007	thôn Nghĩa La, xã Trung Chính, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
202	44	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	10/01/2006	thôn Từ Nê, xã Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
203	45	Phạm Thị Đào Như Quỳnh	Nữ	27/09/2007	Thôn Lĩnh Mai, xã Lâm Thao, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
204	46	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	26/08/2007	Khu hữu chấp, phường Kinh Bắc - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	

205	47	Nguyễn Văn Thế	Nam	16/06/2007	Mấn Xá -Long Châu - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
206	48	Nguyễn Văn Thịnh	Nữ	05/08/2007	Thôn Hoài Thượng, Xã Liên Bảo - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
207	49	Hoàng Thu Thủy	Nữ	04/01/2007	Thôn Đông Lâm, xã Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
208	50	Nguyễn Thế Thức	Nam	25/03/2004	P Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
209	51	Cao Mai Trang	Nữ	26/07/2007	Thôn Phú Thọ- xã Lâm Thao, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
210	52	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	08/12/2007	số nhà 16,xóm hoà bình, khu khúc toại, P. Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
211	53	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	10/03/2007	Thôn Do Nha, phường Phương Liễu- Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
212	54	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	12/09/2007	Nhất Trai - Trung Chính - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
213	55	Nguyễn Thủy Ngân	Nữ	25/02/2007	Nghĩa Chi - Phật Tích - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
		<b>Cộng</b>							<b>429.550.000</b>	
		<b>NGÀNH: CAO ĐẲNG DƯỢC SỸ</b>								
		<b>LỚP D6A1</b>				<i>Mức hỗ trợ/1Tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>	
214	1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	09/08/2005	Ngõ 32, thanh sơn, vũ ninh,Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
215	2	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	15/07/2005	Đại sơn - hoàn sơn -tiên du -bắc ninh	1.562.000	5	7.810.000		
216	3	Dương Hồng Ánh	Nữ	30/11/2005	Số nhà 25-khu Quế Sơn-phường Khắc Niệm- Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
217	4	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	21/08/2005	Phù hoà - Lương tài, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
218	5	Trần Thị Chinh	Nữ	18/07/2005	Đường 285 xã lai hạ, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
219	6	Phạm Thị Dương	Nữ	11/11/2005	đường 285-LaiHa-LaiHa, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
220	7	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	27/10/2005	Phú Thọ, Quảng Phú, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
221	8	Nguyễn Thu Hương	Nữ	11/07/2005	Thôn Đông - Hoàn sơn, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
222	9	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	23/05/2005	Nội Viên- Lạc Vệ- Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
223	10	Lại Thị Thủy Linh	Nữ	23/09/2005	khuphổ nghiêm thôn phường phố mới, Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
224	11	Phùng Khánh Linh	Nữ	24/11/2005	Thôn yên giá - Xã yên giá - Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
225	12	Hoàng Thị Thúy Nga	Nữ	24/01/2005	Cấp Trên , Trung Kênh, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
226	13	Vũ Thị Thanh Ngân	Nữ	20/11/2004	Bồng Lai Lai Hạ, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
227	14	Trần Thị Quỳnh	Nữ	06/07/2005	Phường Bồng Lai, Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
228	15	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	02/11/2005	Lĩnh Mai -Quảng Phú, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
229	16	Lê Thị Thu	Nữ	02/10/2001	thôn giữa xã an bình, Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
230	17	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	12/09/2005	Bái Uyên -Liên Bảo - Tiên Du - Bắc Ninh, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
231	18	Nguyễn Quang Toàn	Nam	14/11/2005	xã An Bình, Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
232	19	Đỗ Thị Yến Trang	Nữ	13/04/2005	Ngõ 698 phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
233	20	Nguyễn Tá Trung	Nam	16/07/2004	Bất Phí - Nhân Hoà, Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
234	21	Nguyễn Phương Anh	Nữ	21/09/2005	16 - Nguyễn Hồ - Ninh Xá 4 - phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
235	22	Lê Thị Thu Huyền	Nữ	08/10/2001	157 Lê Phụng Hiểu, Niềm Xá , phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
236	23	Bùi Thị Ngọc Ánh	Nữ	16/12/2005	Xã An Thịnh, Huyện Lương Tài -Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
237	24	Nguyễn Thu Trang	Nữ	23/02/2004	Đường L1,khu Chu Mầu,phường Vân Dương,thành phố Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
238	25	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	04/04/2004	đồng đoài - đại đồng thành, TX Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
239	26	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	29/06/2005	Phong xá - Đông phong, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
240	27	Vũ Thùy Linh	Nữ	31/01/2005	Xuân Ổ A, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
241	28	Trần Huy Giáp	Nam	06/12/2005	Do nha phương liễu, TX Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
242	29	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	05/03/2005	Nghĩa Chi Minh Đạo, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		
243	30	Ngô Thị Hải Yến	Nữ	20/10/2003	Yên Vỹ -Hoà Tiến - Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000		

244	31	Phạm Đình Ninh	Nam	30/03/2001	Chi Nhị - Song Giang - Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
245	32	Đỗ Thị Hiền	Nữ	08/11/2004	Ngọc Xá, Quế Võ, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
246	33	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	24/09/2004	Trạm Lộ, thuận thành, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>257.730.000</b>
		<b>LỚP D6A2</b>				<i>Mức hỗ trợ/1Tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
247	1	Đàm Thị Hà	Nữ	20/07/1996	Khu phố Đồng Hương, phường Hương Mạc, TP Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
248	2	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	19/09/2003	Lâm làng, Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
249	3	Vũ Hà Phương	Nữ	07/04/2004	Số 11 Xóm Ngoài, Dương Ổ, phường Phong Khê, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
250	4	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	26/11/1995	Đại Chu, Long Châu, Yên Phong, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
251	5	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	24/10/2004	Chi Long, Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
252	6	Nguyễn Đức Cao Long	Nam	28/03/2000	quế võ, Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
253	7	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	20/03/2002	Phố Mới, TT Chờ, Yên Phong, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
254	8	Hoàng Lê Uyên Nhi	Nữ	03/10/2003	Thôn Găng, Xã Đào Viên, Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
255	9	Vũ Thị Mai Anh	Nữ	12/04/1992	Phường cầu, Phường liễu, Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>70.290.000</b>
		<b>LỚP D6A3</b>				<i>Mức hỗ trợ/1Tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
256	1	Đặng Thị Huyền	Nữ	17/11/1995	Phù Lãng - Quế Võ - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
257	2	Nguyễn Thị Minh Thanh	Nữ	07/11/1983	Đình Cáp - Nội Duệ - Tiên Du - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
258	3	Nguyễn Văn Sáng	Nữ	13/10/1990	P.Vân Dương-tp.Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
259	4	Nguyễn Thị Việt Chinh	Nữ	23/11/1997	Đại Xuân - Quế Võ - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
260	5	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	05/11/1995	Mỹ Lộc, Cao Đức - Gia Bình - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
261	6	Nguyễn Thị Hương	Nữ	28/06/1994	Khu son-p khắc niệm-tp bắc ninh	1.562.000	5	7.810.000	
262	7	Vũ Thị Ngoan	Nữ	23/07/1987	Trung Kênh - Lương Tài - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
263	8	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Nữ	17/04/1983	Đình cá - Nội Duệ - Tiên Du - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
264	9	Phạm Sỹ Trung	Nữ	20/02/1992	Khu Triều Thôn, Nam Sơn, Bắc Ninh, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
265	10	Trần Thị Vân	Nữ	23/08/1996	Khu Trần-phường Hạp Lĩnh-TP Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
266	11	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	09/07/1989	Đình Bàng - Từ Sơn - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
267	12	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	25/05/1984	Đại Đồng - Tiên Du - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
268	13	Ngô Thị Thương	Nữ	28/04/1993	Lại Hạ - Lương Tài - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
269	14	Nguyễn Thị Hồng Nga	Nữ	01/05/1995	Đại Đồng - Tiên Du - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
270	15	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	05/09/1994	Khu son-p khắc niệm-tp bắc ninh	1.562.000	5	7.810.000	
271	16	Nguyễn Việt Kháng	Nam	29/11/1978	cảnh hưng-tiên du -bắc ninh	1.562.000	5	7.810.000	
272	17	Nguyễn Thị Thuý Hà	Nữ	08/02/1987	Duệ khách Nội Duệ Tiên Du Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
273	18	Đoàn Thị Khánh	Nữ	07/08/1987	Khu Sơn Đông - Phường Nam Sơn- TP Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
274	19	Đoàn Trắc Khoa	Nam	19/08/1990	Lê Lợi, Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
275	20	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	02/09/1979	Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
276	21	Đình Văn Thanh	Nam	01/02/1981	Doãn Thượng, Xuân Lâm, Thuận Thành, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>164.010.000</b>
		<b>LỚP D6A4</b>				<i>Mức hỗ trợ/1tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
277	1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	10/12/1986	Khu 2, phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
278	2	Nguyễn Thị Lụa	Nữ	16/07/1991	Khu phố liễu thượng - phường đại xuân, Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
279	3	Lê Thu Thủy	Nữ	10/08/2001	Nhà số 10 - thôn hán Đà - xã hán quang, Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
280	4	Phạm Thị Dung	Nữ	07/07/1993	Tổ dân phố Đa Hội, phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	

281	5	Vũ Thị Nam	Nữ	17/10/1990	Thôn Huê Đông- xã Đại Lai- Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
282	6	Dương Thị Phương Thủy	Nữ	08/08/1990	Xã an thịnh, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
283	7	Nguyễn Thị Phương	Nữ	19/12/1992	Tiền Thôn- Văn Môn, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
284	8	Nguyễn Quang Hợp	Nam	27/07/1987	Thôn Xuân Hội - Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
285	9	Nguyễn Tiến Thịnh	Nam	25/10/2002	Đông Cửu - Gia Bình - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
286	10	Ngô Thị Hương	Nữ	21/11/1989	Long văn, Xã Việt Đoàn, Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
287	11	Trần Thị Giang	Nữ	10/01/1995	Số 17 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
288	12	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	01/10/1982	Khu phố Rịch Gạo - phường Phù Chấn, Tp Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
289	13	Nguyễn Kim Kỳ	Nữ	18/08/1995	Phủ Ninh, TT Gia Bình, Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
290	14	Nguyễn Thị Chi	Nữ	07/04/1990	Xóm 4, Thôn Thượng, Xã Cảnh Hưng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
291	15	Vũ Thị Vân Ngà	Nữ	26/02/1988	Tổ dân phố số 2- khu phố Bến Hồ- phường Hồ, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
292	16	Chu Tam Tuấn	Nam	09/11/1978	Số 8 phố Tân Hưng, khu phố Nội Trì, Tân Hồng, Tp từ Sơn	1.562.000	5	7.810.000	
293	17	Nguyễn Thị Lơ	Nữ	12/05/1997	Văn Môn, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
294	18	Nguyễn Thành Nguyên	Nam	14/05/1996	thôn hữu bằng xã ngọc xá huyện quế võ tỉnh bắc ninh	1.562.000	5	7.810.000	
295	19	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	02/02/1999	Xóm Hoà An, Đạo Tú, Song Hồ, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
296	20	Phùng Đức Hoàng	Nam	28/11/1996	Khu 10- Phường Đại Phúc- hành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>156.200.000</b>
		<b>LỚP D7A1</b>				<i>Mức hỗ trợ/tc</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tín chỉ</i>
297	1	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	28/09/2006	xóm Tự Dương Húc Đại Đồng, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
298	2	Ngô Diệu Anh	Nữ	01/10/2006	231 đường Thiên Đức, Công Hậu, phường Vệ An, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
299	3	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Nữ	26/10/2006	Quan Đình - Văn Môn, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
300	4	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	19/02/2006	Số nhà 130, Khu phố Tư, phường Đông Kỵ, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
301	5	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	29/09/2006	Thôn Ngô Nội xã trung nghĩa, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
302	6	Dương Thị Mai Anh	Nữ	18/03/2006	Khu Đoàn, Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
303	7	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	19/07/2005	Số 4 làn 2 khu 3 phường suối hoa, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
304	8	Phạm Thu An	Nữ	02/05/2005	Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
305	9	Ngô Hoàng Nguyên	Nam	05/12/2006	Khu thượng- Khắc Niệm- Bắc Ninh, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
306	10	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	23/08/2001	Phúc Nghiêm, Phật Tích, Tiên Du, Bắc Ninh, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
307	11	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	23/07/2006	Lĩnh Mai , Quảng Phú, Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
308	12	Nguyễn Minh Quân	Nam	26/03/2003	Số 23, xóm Giữa- khu Kim Đồi- phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
309	13	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	16/10/2006	Yên Già-Yên Già-Quê Võ-Bắc Ninh, Thị xã Quê Võ - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
310	14	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	13/06/2006	Giang Liễu, Phương Liễu, Quê Võ, Bắc Ninh, Thị xã Quê Võ - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
311	15	Nguyễn Thị Ánh Nhung	Nữ	14/08/2006	Giang Liễu, Phương Liễu, Quê Võ, Bắc Ninh, Thị xã Quê Võ - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
312	16	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	21/12/2006	Giang Liễu, Phương Liễu, Quê Võ, Bắc Ninh, Thị xã Quê Võ - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
313	17	Nguyễn Thị Hương	Nữ	27/10/2006	Thôn Hữu Bằng - xã Ngọc Xá, Thị xã Quê Võ - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
314	18	Nguyễn Thị Trang	Nữ	12/02/2006	Xóm Chùa Thôn Chân Lạc Xã Dũng Liệt Huyện Yên Phong Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
315	19	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	20/08/2006	Hà Mãn, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
316	20	Phạm Thị Thương	Nữ	04/05/2006	Khu phố tư thể- phường Trí Quả, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
317	21	Nguyễn Thị Lan Ly	Nam	13/03/2006	Ngô Xá Long Châu, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
318	22	Đoàn Thị Thu	Nữ	01/02/2006	Minh Đạo, Tiên Du, Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	

319	23	Bùi Nguyễn Minh	Nữ	10/09/2006	Số Nhà 74, Khu Xuân Ái, Phường Hoà Long, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
320	24	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	08/09/2005	Khu phố Tam Á, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
321	25	Nguyễn Ngô Hiền Hậu	Nữ	30/04/2003	Xóm Ô, Tam Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
322	26	Nguyễn Thị Lê Quyên	Nữ	25/10/1998	Thị Xã Quế võ, Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
323	27	Vì Thị Hoàng Linh	Nữ	11/10/1999	Suối Hoa, TP Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
324	28	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	27/10/2003	Thị Xã Quế võ, Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
325	29	Lê Đức Hoàn	Nam	06/10/2006	Hán Đà, Hán Quảng, Quế Võ, Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
326	30	Nguyễn Thị Khang Ninh	Nữ	23/02/2006	Số nhà 19, khu Thụ Ninh, phường Vạn An, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	493.000	15	7.395.000	
		<b>Cộng</b>							<b>221.850.000</b>
		<b>LỚP D7A2</b>				<i>Mức hỗ trợ/tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
327	1	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	30/01/1998	Yên Lãng, Yên Trung, Yên Phong, Bắc Ninh (Tam trú)	1.562.000	5	7.810.000	
328	2	Nguyễn Thị Thành	Nữ	01/06/1997	117 phố Tư, phường Đông Ky, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
329	3	Đào Thị Huệ	Nữ	18/08/1989	Dương Húc - Đại Đồng, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
330	4	Nguyễn Tiến Chính	Nam	20/12/2004	Đại Sơn, Hoàn Sơn, tiên Du	1.562.000	5	7.810.000	
331	5	Đỗ Văn Hùng	Nam	06/07/1996	Hán quảng, Quế Võ, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>39.050.000</b>
		<b>CD D7A3</b>				<i>Mức hỗ trợ/tín chỉ</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
332	1	Ngô Trí Bình	Nam	24/06/1995	Phố Đông Yên, xã Đông Phong, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
333	2	Ngô Thị Thúy Chinh	Nữ	10/10/1981	Chung cư Cát tường, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
334	3	Nguyễn Thu Hường	Nữ	16/04/1989	Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
335	4	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	Nữ	12/04/1988	Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
336	5	Hoàng Hoa Quỳnh	Nữ	17/07/1990	Thôn hà Liễu, Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
337	6	Nguyễn Thế Tài	Nam	26/11/1984	Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
338	7	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	15/10/1988	Thôn Nội Viên - Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
339	8	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	17/07/1986	Võ Cường, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	1.562.000	4	6.248.000	M3tc
340	9	Phạm Thị Thủy	Nữ	20/05/1980	Thôn Thượng - Cảnh Hưng, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
341	10	Phạm Văn Vĩnh	Nam	18/06/1990	Khu phố Tư Thế- Phường Trí Quả, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>76.538.000</b>
		<b>CD D7A4</b>				<i>Mức hỗ trợ/tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
342	1	Nguyễn Văn Cấn	Nam	10/05/1988	Đại Phúc, TP Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
343	2	Nguyễn Thị Yến	Nữ	16/05/2001	Đại Lai, Gia Bình, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
344	3	Nguyễn Văn Phúc	Nam	02/08/1994	Việt Thống - Quế Võ - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
345	4	Nguyễn Thúy Sinh	Nữ	03/03/1979	Đình Bảng, TP Từ Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
346	5	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	04/09/1993	Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
347	6	Đỗ Tiến Đạt	Nam	24/03/1984	Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
348	7	Nguyễn Văn Tuyển	Nam	02/11/1990	Suối Hoa, TP Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
349	8	Nguyễn Công Minh	Nam	02/10/1983	Trí Quả, Thuận Thành, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
350	9	Đặng Thị Hoài	Nữ	25/01/2003	Hòa Tiến, Yên Phong, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
351	10	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	12/09/2000	an động- lạc vệ, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
352	11	Dương Thị Hải	Nữ	05/08/2001	Xóm trung tam- song hồ- thuận thành- bắc ninh, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
353	12	Trần Thị Hằng	Nữ	03/11/1997	Dũng Liệt -Yên Phong - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
354	13	Nguyễn Thị Lan	Nữ	09/04/1998	Thái Bảo, Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>101.530.000</b>
		<b>CD D7A5</b>				<i>Mức hỗ trợ/Tín chỉ</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tín chỉ</i>

355	1	Nguyễn Thị Vương	Nữ	28/05/1980	Thôn Vân Khám Hiền Vân Tiên Du Bắc Ninh, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
356	2	Hà Thị Thu	Nữ	07/10/1992	Thôn Hán Đà- Hán Quảng, Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
357	3	Trần Thị Quyên	Nữ	03/02/1984	Phố Từ Phong - Phường Cách Bi, Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
358	4	Lê Thị Hồng	Nữ	03/11/1991	An Bình, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
359	5	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	29/09/1991	Ngọc Trì, Bình Định, Lương Tài, Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
360	6	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	01/05/1984	158, Bồ Sơn, Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
361	7	Nguyễn Đức Phương	Nam	28/08/1988	Phong Khê, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
362	8	Nguyễn Tuấn Thành	Nam	13/09/1982	Vạn An, Tp Bắc Ninh, Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
363	9	Trần Thị Oanh	Nữ	12/11/1987	Hán quang, Quế Võ, Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
364	10	Nguyễn Văn Sản	Nam	08/10/1981	Thị Trấn Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
365	11	Nguyễn Văn Cận	Nam	04/01/1979	Phú hòa, Lương Tài, Bắc Ninh	520.000	14	7.280.000	
		<b>Cộng</b>							<b>80.080.000</b>
		<b>CD D8A1</b>				<i>Mức hỗ trợ/tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
366	1	Trần Thị Uyên	Nữ	24/05/2007	Thủ Pháp - Quỳnh Phú - Gia Bình - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
367	2	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	31/10/2007	Phố á lử, xã thuận thành, tỉnh bắc ninh	1.562.000	5	7.810.000	
368	3	Nguyễn Thị Hà	Nữ	02/10/2007	Đông xá -xã Tam Đa - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
369	4	Nguyễn Văn Duy Anh	Nam	10/01/2007	Khu Khá Lễ Phường Võ Cường- Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
370	5	Vũ Phương Thảo	Nữ	15/10/2007	Thôn làng móng xã Đại Đồng - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
371	6	Vũ Thuý Ngân	Nữ	26/10/2006	Thôn Đào Viên- xã Nguyệt Đức, Thị xã Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
372	7	Nguyễn Thành Hưng	Nam	20/12/2006	Số 35, Ngõ 149, Khu phố Nghè, Phường Đồng Kỵ, Thành phố Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
373	8	Đình Thị Thu Hằng	Nữ	27/10/2005	xã Tri Phương, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
374	9	Nguyễn Thị Mai	Nữ	22/01/2006	Thôn Nghiêm Xá, Xã Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
375	10	Nguyễn Thị Minh Hiền	Nữ	05/10/2005	P. Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
376	11	Nguyễn Thị Linh	Nữ	14/11/2007	Vạn Ty - Nhân thắng - Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
377	12	Nguyễn Thành Đạt	Nam	21/5/2007	Đình Tô, Trí Quả, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
378	13	Tổng Thị Thương	Nữ	09/06/2007	Tráp Bút, P. Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
379	14	Nguyễn Hà Anh	Nữ	19/10/2007	Đào Xá, P. Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
380	15	Nguyễn Thùy Tiên	Nữ	21/12/2007	xã Đại Lai, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
381	16	Lê Trang Nhung	Nữ	08/02/2007	Cỏ Mễ, Vũ Ninh, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
382	17	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	05/09/2007	Bằng Lục, Tam Đa, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
383	18	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	02/03/2007	Y Na, P. Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
384	19	Lê Thị Phương Nhi	Nữ	16/12/2007	Khu phố Phù Lộc, p. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
385	20	Nguyễn Lan Hương	Nữ	07/08/2007	Khu Đường Xá 3, P.Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
386	21	Nguyễn Thúy Hương	Nữ	02/11/2007	Khu Đông, phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
387	22	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	04/08/2004	xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
388	23	Nguyễn Khánh Chi	Nữ	20/02/2007	Vạn Phúc, Kinh Bắc, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
389	24	Cáp Thị Huệ	Nữ	16/11/2006	Thỏ Hà, Vân Hà, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
390	25	Chừ Thùy Trang	Nữ	24/7/2007	Khu phố Tân Thành, p.Đồng Nguyên, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
391	26	Ngô Thị Khánh Ly	Nữ	01/11/2007	Thôn Chi Trung, xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
392	27	Đàm Thị Mai Anh	Nữ	15/11/2007	Tổ dân số Đường, p. Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
393	28	Vương Thị Thu Trang	Nữ	15/9/2007	Tổ dân số Đường, p. Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
394	29	Nghiêm Thị Ngọc Huyền	Nữ	08/01/2007	Quan Độ, P Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
395	30	Nguyễn Văn Thắng	Nam	05/02/2007	Định Mỗ, Gia Bình, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
396	31	Nguyễn Thị Thu Thuý	Nữ	10/04/2004	Khu 5-Đáp Cầu, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
397	32	Trần Hương Vy	Nữ	16/7/2007	khu Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	

398	33	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	20/02/2007	Thôn Đồng Xép, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
399	34	Đỗ Thị Lan Anh	Nữ	22/10/2007	Giới Tế, Tiên Du, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
400	35	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	27/07/2007	Khu Đông, phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
401	36	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	07/04/2007	Xóm Đông, khu 3, Vũ Ninh, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
402	37	Nguyễn Ngọc Long	Nam	28/10/2006	Khả Lễ, Võ Cường, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
403	38	Ngô Thị Diễm Quỳnh	Nữ	11/11/2005	Số 7, gác 3 ngõ 28 Tinh Cầu, Từ Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
404	39	Nguyễn Thị Hải	Nữ	30/01/2007	Chi Nhị, Đại Lai, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
405	40	Vũ Kim Huệ	Nữ	18/08/2006	Đông xá - xã Tam Đa- tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>312.400.000</b>
		<b>CD D8A2</b>				<i>Mức hỗ trợ/tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
406	1	Ngô Thị Mai	Nữ	17/09/1988	xã Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
407	2	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	06/05/1997	Ngõ 31A khu 10 Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
408	3	Nguyễn Ngọc Hồng	Nữ	25/12/2003	Số 66 mao độc phường mao quê võ bắc ninh, Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
409	4	Nguyễn Thị Dung	Nữ	15/09/1997	Số 5, ngõ 268, khu phố hà liễu, phường liễu, Thị xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
410	5	Nghiêm Thị Chinh	Nữ	01/10/1997	Nghiêm Xá, TT Chờ, Yên Phong, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
411	6	Đàm Thị Hạnh	Nữ	09/05/1992	Đa Cầu - Nam Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
412	7	Dương Tuấn Anh	Nam	17/02/1995	Số 111 Khu 1 xã Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
413	8	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	15/07/2003	Giang Liễu, Phương Liễu, Quế Võ, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
414	9	Vũ Thị Hồng	Nữ	02/06/1994	Tĩnh Xá, Phú Hoà, Lương Tài, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
415	10	Nguyễn Thị Tinh	Nữ	26/12/1985	Tương Giang, Từ Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
416	11	Dương Thị Thanh Nam	Nữ	02/08/1999	Liên Bảo, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
417	12	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	22/10/1993	Phường Phù Khê, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
418	13	Nguyễn Thị Thúy Hương	Nữ	30/09/1999	Xã Liên Bảo, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
419	14	Trần Thị Hà	Nữ	16/01/1999	xã Đa Phúc, Hà Nội	1.562.000	5	7.810.000	
420	15	Đỗ Kim Trà	Nam	18/12/2000	Gia Bình, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>117.150.000</b>
		<b>CD D8A3</b>				<i>Mức hỗ trợ/tháng</i>	<i>Số tháng</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tháng</i>
421	1	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	06/07/1992	Khu Phố Rịch Gạo, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
422	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	21/07/1993	Kp Doi Sóc, P. Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
423	3	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	17/06/1997	Khu đô thị him lam, p. Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
424	4	Nguyễn Thị Thoan	Nữ	01/06/1987	Khu Hai Vân, P. Nam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
425	5	Vũ Thị Hiền	Nữ	09/11/1990	Mai Động, Phù Khê, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
426	6	Tạ Quốc Thuận	Nam	17/03/1996	Long Khám, Liên Bảo, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
427	7	Phạm Thị Bích Phượng	Nữ	03/6/2002	Hoàng Kên, Trung Kênh, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
428	8	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Nữ	05/11/2002	TDP Đồng Văn, Thuận Thành, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
429	9	Đỗ Trọng Khôi	Nam	18/02/1986	Số 41 Lê Hồng Phong, Kinh Bắc, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
430	10	Dương Nhật Trung	Nam	06/12/1994	Tam Sơn, Bắc Ninh	1.562.000	5	7.810.000	
		<b>Cộng</b>							<b>78.100.000</b>
		<b>CD D8A4</b>				<i>Mức hỗ trợ/Tín chỉ</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>Hỗ trợ theo tín chỉ</i>
431	1	Đình Thị Hương	Nữ	23/06/1988	Thôn Tư Chi, xã Tân Chi- Tỉnh Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
432	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	15/12/1996	Khu 3, Kinh Bắc, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
433	3	Trần Thị Hà	Nữ	26/03/1986	Công Hà, Song Liễu, Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
434	4	Nguyễn Thị Chúc	Nữ	30/06/1988	154 Khả Lễ, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh	520.000	15	7.800.000	
		<b>Cộng</b>							<b>31.200.000</b>
434		<b>Cộng tổng</b>						<b>3.369.518.000</b>	

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

Người lập

Trịnh Nữ Phan Vinh

Kế toán

Nguyễn Thị Hải Yến

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Dung